

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP KHÍ

(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 24

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Khí (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Quyết Thắng	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 30 tháng 5 năm 2012)
Ông Nguyễn Mậu Dũng	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 30 tháng 5 năm 2012)
Ông Bùi Hữu Dương	Phó Chủ tịch
Ông Đặng Đình Bình	Thành viên
Ông Vũ Quốc Minh	Thành viên (miễn nhiệm ngày 25 tháng 2 năm 2013)
Ông Đỗ Tấn	Thành viên (bổ nhiệm ngày 25 tháng 2 năm 2013)
Ông Bùi Tường Định	Thành viên
Ông Trần Đức Minh	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Trần Đức Minh	Giám đốc (bổ nhiệm ngày 30 tháng 5 năm 2012)
Ông Lê Quyết Thắng	Giám đốc (miễn nhiệm ngày 30 tháng 5 năm 2012)
Ông Nguyễn Tuấn Thành	Phó Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Huyền	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán.
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không.
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc.



Trần Đức Minh

Giám đốc

Ngày 15 tháng 3 năm 2013

Số: 0390 /Deloitte- AUDHCM-RE

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Khí

Chúng tôi đã kiểm toán bằng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Khí (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 15 tháng 3 năm 2013, từ trang 3 đến trang 24. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



Lê Đình Tứ
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0488/KTV
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM
Ngày 15 tháng 3 năm 2013
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Trần Kim Long Hải
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1503/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU B 01-DN
 Đơn vị : VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		331.153.185.015	540.840.305.526
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	51.438.307.624	36.104.294.734
1. Tiền	111		35.621.283.811	6.020.961.401
2. Các khoản tương đương tiền	112		15.817.023.813	30.083.333.333
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		143.502.651.772	191.273.199.893
1. Phải thu khách hàng	131	6	35.806.891.238	77.313.226.898
2. Trả trước cho người bán	132		2.287.344.171	11.229.244.336
3. Các khoản phải thu khác	135	7	105.408.416.363	102.730.728.659
III. Hàng tồn kho	140	8	128.798.008.800	302.064.367.752
1. Hàng tồn kho	141		142.413.686.725	302.064.367.752
2. Dự phòng hàng tồn kho	149		(13.615.677.925)	
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		7.414.216.819	11.398.443.147
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		947.110.437	2.314.814.422
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.846.313.237	4.170.336.539
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	9	4.620.793.145	4.913.292.186
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220+260)	200		436.772.625.635	512.533.669.959
I. Tài sản cố định	220		424.297.059.281	489.131.516.880
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	424.273.725.941	445.740.120.498
- Nguyên giá	222		569.760.030.538	494.249.986.785
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(145.486.304.597)	(48.509.866.287)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	23.333.340	142.759.198
- Nguyên giá	228		281.724.400	281.724.400
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(258.391.060)	(138.965.202)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	12	-	43.248.637.184
II. Tài sản dài hạn khác	260		12.475.566.354	23.402.153.079
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	12.374.745.198	19.089.826.329
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	14	100.821.156	4.312.326.750
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		767.925.810.650	1.053.373.975.485

Các thuyết minh kèm theo từ trang 7 đến trang 24 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

02-C
 H
 Y
 TỬ HÀ
 GE
 M
 CHI

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 01-DN
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+320)	300		484.127.490.479	801.600.481.310
I. Nợ ngắn hạn	310		289.281.953.322	559.424.266.745
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	15	99.889.537.975	241.110.391.051
2. Phải trả người bán	312	16	49.089.905.236	136.904.864.827
3. Người mua trả tiền trước	313	17	99.195.312.057	49.869.920.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	18	4.154.675.577	7.637.271.121
5. Phải trả người lao động	315		1.365.046.538	6.526.131.440
6. Chi phí phải trả	316	19	31.665.695.320	11.202.298.741
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	20	3.580.246.731	105.540.257.088
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		341.533.888	633.132.477
II. Nợ dài hạn	320		186.047.926.086	242.176.214.565
1. Vay và nợ dài hạn	334	21	162.178.073.873	242.176.214.565
2. Dự phòng phải trả dài hạn	337	22	32.667.463.284	-
B. NGUỒN VỐN (400=410+430)	400		283.798.320.171	251.773.494.175
I. Vốn chủ sở hữu	410	23	283.798.320.171	251.773.494.175
1. Vốn điều lệ	411		215.999.980.000	215.999.980.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		9.850.000.000	9.850.000.000
3. Quỹ đầu tư và phát triển	417		749.682.804	1.415.594.636
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		4.087.113.915	2.381.830.559
5. Lợi nhuận chưa phân phối	420		53.111.543.452	22.126.088.980
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=400+400)	440		767.925.810.650	1.053.373.975.485



Cao Nhất Trung
 Người lập biểu
 Ngày 15 tháng 3 năm 2013



Nguyễn Công Chương
 Kế toán trưởng




Trần Đức Minh
 Giám Đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP KHÍĐường 2B, Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, Huyện Tân Thành
Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2012	2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		887.610.994.460	749.268.291.260
2. Doanh thu thuần (10=01)	10	25	887.610.994.460	749.268.291.260
3. Giá vốn hàng bán	11	26	749.802.053.085	630.183.395.891
4. Lợi nhuận gộp (20=10-11)	20		137.808.941.375	119.084.895.369
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	2.947.116.960	7.760.069.159
6. Chi phí tài chính	22	29	49.645.915.639	69.433.291.536
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		47.120.828.235	38.091.966.722
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		17.732.571.739	21.644.704.915
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		73.377.570.957	35.766.968.077
9. Thu nhập khác	31		1.399.113.615	782.954.372
10. Chi phí khác	32		2.054.768.639	1.486.965.977
11. Lỗ khác (40=31-32)	40		(655.655.024)	(704.011.605)
12. Lợi nhuận trước thuế (50=30+40)	50		72.721.915.933	35.062.956.472
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	30	9.777.912.770	9.095.145.059
14. Chi phí /(Thu nhập) thuế thu nhập hoãn lại	52	14	4.211.505.594	(327.271.997)
15. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51-52)	60		58.732.497.569	26.295.083.410
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	61	31	2.719	1.280





Cao Nhất Trung
 Người lập biểu
 Ngày 15 tháng 3 năm 2013

Nguyễn Công Chương
 Kế toán trưởng


Trần Đức Minh
 Giám Đốc

Các thuyết minh kèm theo từ trang 7 đến trang 24 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

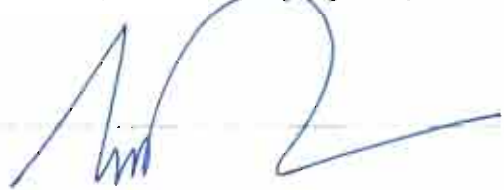
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU B 03-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2012	2011
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	72.721.915.933	35.062.956.472
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	97.095.864.168	41.865.994.741
Các khoản dự phòng	03	13.615.677.925	-
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	04	(182.261.916)	22.222.620.938
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(2.593.669.471)	(1.716.918.045)
Chi phí lãi vay	06	47.120.828.235	38.091.966.722
3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	227.778.354.874	135.526.620.828
Biến động các khoản phải thu	09	51.754.774.449	(58.892.436.505)
Biến động hàng tồn kho	10	159.826.943.927	(197.980.486.132)
Biến động các khoản phải trả	11	(96.758.662.898)	29.419.460.044
Biến động chi phí trả trước	12	6.715.081.131	(4.425.667.163)
Tiền lãi vay đã trả	13	(45.438.164.078)	(38.091.966.722)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(13.283.668.446)	(12.692.622.807)
Tiền thu khác cho hoạt động kinh doanh	15	-	250.000.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(4.103.272.282)	(3.724.090.505)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	286.491.386.677	(150.611.188.962)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(29.734.012.257)	(123.647.906.280)
2. Tiền thu lãi tiền gửi	27	2.593.669.471	1.716.918.045
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(27.140.342.786)	(121.930.988.235)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	96.809.284.943	212.704.358.972
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(317.919.675.994)	(78.866.348.101)
3. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(22.895.997.880)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(244.006.388.931)	133.838.010.871
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	15.344.654.960	(138.704.166.326)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	36.104.294.734	173.785.203.824
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(10.642.070)	8.535.775
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	70	51.438.307.624	36.104.294.734

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền dùng để mua tài sản cố định trong năm không bao gồm số tiền 2.703.657.212 đồng (năm 2011: 2.221.071.260 đồng), là số tiền dùng để mua tài sản cố định trong năm nhưng chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền trong ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.



Cao Nhất Trung
Người lập biểu
Ngày 15 tháng 3 năm 2013



Nguyễn Công Chương
Kế toán trưởng



Trần Đức Minh
Giám Đốc

Các thuyết minh kèm theo từ trang 7 đến trang 24 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP KHÍ

Đường 2B, Khu công nghiệp Phú Mỹ I, Huyện Tân Thành
Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty được thành lập dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0600393680 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 25 tháng 8 năm 2009 và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh này thay thế cho Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0703000858 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nam Định cấp ngày 31 tháng 8 năm 2007 và các giấy chứng nhận điều chỉnh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 234 người và tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 217 người.

Hoạt động chính

- Sản xuất các sản phẩm cơ khí, chống ăn mòn kim loại, gia tải đường ống.
- Đầu tư xây dựng và khai thác phát triển Khu liên hợp công nghiệp đô thị và dịch vụ.
- Đầu tư xây dựng, khai thác hạ tầng, cho thuê mặt bằng, nhà xưởng, kho bãi, máy thiết bị thi công.
- Đầu tư xây dựng các nhà máy chế tạo cơ khí phục vụ ngành dầu khí.
- Thi công các công trình xây dựng.
- Kinh doanh bất động sản.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 24 tháng 10 năm 2012, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 179/2012/TT-BTC (“Thông tư 179”) quy định việc ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp. Thông tư 179 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2012 và được áp dụng từ năm tài chính 2012. Thông tư 179 đưa ra hướng dẫn cụ thể về tỷ giá áp dụng đối với việc thanh toán và đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 179 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP KHÍ

Đường 2B, Khu công nghiệp Phú Mỹ I, Huyện Tân Thành

Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***Công cụ tài chính****Ghi nhận ban đầu***Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản ký quỹ.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả, các khoản vay và dự phòng phải trả dài hạn.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập cho hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá ghi sổ của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Số năm

Nhà cửa	12
Máy móc thiết bị	5 - 7
Phương tiện vận tải	8 - 9
Thiết bị quản lý	3 - 5
Tài sản khác	3

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Tài sản cố định hữu hình là máy móc thiết bị trực tiếp liên quan đến sản xuất sản phẩm của dự án bọc ống được tính khấu hao theo khối lượng sản phẩm hoàn thành trong năm.

Thuê hoạt động

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời gian thuê theo phương pháp đường thẳng.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình bao gồm giá trị website của Công ty và phần mềm máy tính, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Website và phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong năm năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm cả chi phí xây lắp, chi phí nguyên vật liệu, chi phí quản lý và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí đào tạo nguồn nhân lực vận hành nhà máy bọc ống phát sinh trước khi Công ty đi vào hoạt động, thiết bị văn phòng, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ và các chi phí khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ hai đến ba năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành việc cung cấp dịch vụ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

2500
NH
ÔNG
NHIE
LOI
ETI
TP

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẮP KHÍ

Đường 2B, Khu công nghiệp Phú Mỹ I, Huyện Tân Thành

Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Tiền mặt	17.964.116	621.762.046
Tiền gửi ngân hàng	35.603.319.695	5.399.199.355
Các khoản tương đương tiền	15.817.023.813	30.083.333.333
	<u>51.438.307.624</u>	<u>36.104.294.734</u>

Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền ủy thác quản lý vốn tại ngân hàng với thời hạn dưới 3 tháng và hưởng lãi với lãi suất từ 8%/năm đến 9%/năm.

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Các bên có liên quan (xem Thuyết minh 34)	35.682.026.498	77.313.226.898
Các bên thứ ba	124.864.740	-
	<u>35.806.891.238</u>	<u>77.313.226.898</u>

7. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Các bên có liên quan (Xem Thuyết minh 34)	76.177.999.518	97.675.531.838
Các bên thứ ba	29.230.416.845	5.055.196.821
	<u>105.408.416.363</u>	<u>102.730.728.659</u>

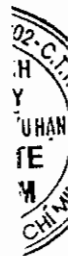
Các khoản phải thu khác chủ yếu là các khoản doanh thu đã phát sinh trong năm nhưng chưa xuất hóa đơn cho khách hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2012.

8. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Hàng đang đi đường	-	11.482.702.336
Nguyên vật liệu	106.848.131.055	221.462.917.973
Công cụ, dụng cụ	7.639.980.002	8.706.122.550
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	27.925.575.668	60.412.624.893
	<u>142.413.686.725</u>	<u>302.064.367.752</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	<u>(13.615.677.925)</u>	-
	<u>128.798.008.800</u>	<u>302.064.367.752</u>

9. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Các khoản tạm ứng của Cán bộ, Công nhân viên	3.127.847.058	4.807.572.186
Các khoản ký cược, ký quỹ ngắn hạn	1.492.946.087	105.720.000
	<u>4.620.793.145</u>	<u>4.913.292.186</u>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

MẪU B 09 - DN

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tài sản khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 1/1/2012	117.324.298.886	302.940.613.393	71.000.019.831	2.898.104.675	86.950.000	494.249.986.785
Mua sắm mới	-	3.877.833.196	-	140.399.545	211.579.427	4.229.812.168
Kết chuyển từ xây dựng cơ bản	12.228.973.108	59.227.521.377	-	-	-	71.456.494.485
Giảm trong năm	-	(176.262.900)	-	-	-	(176.262.900)
Tại ngày 31/12/2012	107.440.348.958	388.847.154.624	71.113.509.831	2.060.487.698	298.529.427	569.760.030.538

GIÁ TRỊ HẠO MÒN LŨY KẾ

Tại ngày 1/1/2012	10.779.026.314	30.298.434.765	6.522.508.462	887.630.082	22.266.664	48.509.866.287
Khấu hao trong năm	10.053.920.037	78.364.266.783	7.886.185.224	619.325.402	52.740.864	96.976.438.310
Tại ngày 31/12/2012	20.832.946.351	108.662.701.548	14.408.693.686	1.506.955.484	75.007.528	145.486.304.597

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

Tại ngày 31/12/2012	86.607.402.607	280.184.453.076	56.704.816.145	553.532.214	223.521.899	424.273.725.941
Tại ngày 31/12/2011	106.545.272.572	272.642.178.628	64.477.511.369	2.010.474.593	64.683.336	445.740.120.498

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2012, Ban Giám đốc Công ty thay đổi phương pháp khấu hao dây chuyền bọc ống 5 lớp MLPP từ phương pháp khấu hao đường thẳng trong vòng 3 năm sang phương pháp khấu hao cho các dự án sử dụng tài sản cố định này theo tỷ lệ sản lượng ống bọc được của từng dự án. Ban Giám đốc tin rằng việc áp dụng tỷ lệ khấu hao mới sẽ phản ánh chính xác hơn tình hình sử dụng tài sản của Công ty. Nếu Công ty tiếp tục sử dụng phương pháp khấu hao trước đây chỉ phí khấu hao của tài sản cố định này trong năm sẽ giảm xuống 22.434.647.342 đồng và theo đó lợi nhuận trước thuế sẽ tăng lên với số tiền tương ứng. Hiện tại, Công ty đã gửi Công văn đến Cục Thuế Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu thông báo việc thay đổi và đăng ký phương pháp khấu hao mới như nêu trên.

Trong năm 2012, Công ty đã đầu tư một dây chuyền bọc ống 5 lớp MLPP thứ hai với nguyên giá là 27.321.770.737 đồng và Ban Giám đốc Công ty cũng áp dụng phương pháp khấu hao tương tự như dây chuyền bọc ống 5 lớp MLPP đầu tiên.

Như trình bày tại Thuyết minh số 11, Công ty đã thế chấp toàn bộ tài sản hình thành trong quá trình đầu tư Dự án “Nhà máy bọc ống” tại Khu công nghiệp Phú Mỹ I, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP KHÍ

Đường 2B, Khu công nghiệp Phú Mỹ I
 Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
 CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Website Công ty VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng VND
NGUYỄN GIÁ			
Tại ngày 1/1/2012 và ngày 31/12/2012	33.674.400	248.050.000	281.724.400
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 1/1/2012	23.852.700	109.128.002	138.965.202
Khấu hao trong năm	3.837.200	115.588.658	119.425.858
Tại ngày 31/12/2012	33.674.400	224.716.660	258.391.060
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2012	-	23.333.340	23.333.340
Tại ngày 31/12/2011	3.837.200	138.921.998	142.759.198

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	2012 VND	2011 VND
Tại ngày 1 tháng 1	43.248.637.184	4.769.569.459
Tăng trong năm	28.568.007.119	89.755.739.389
Kết chuyển sang tài sản cố định	(71.456.494.485)	(37.803.643.916)
Kết chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	(10.559.310.891)
Kết chuyển sang công cụ dụng cụ	-	(1.291.074.121)
Kết chuyển khác	(360.149.818)	(1.622.642.736)
Tại ngày 31 tháng 12	-	43.248.637.184

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	2012 VND	2011 VND
Tại ngày 1 tháng 1	19.089.826.329	14.991.431.163
Tăng	7.113.704.641	3.913.156.042
Kết chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	10.559.310.891
Kết chuyển từ tài sản cố định	-	5.377.402.747
Phân bổ vào chi phí trong năm	(13.828.785.772)	(15.751.474.514)
Tại ngày 31 tháng 12	12.374.745.198	19.089.826.329
Trong đó:		
+Chi phí đào tạo vận hành quản lý Nhà máy bọc ống	6.573.043.292	12.441.358.630
+Chi phí vật tư, công cụ và dụng cụ chờ phân bổ	3.529.742.325	5.462.942.327
+Chi phí thi công, cải tạo văn phòng nhà xưởng	2.271.959.581	1.185.525.372

14. THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

Dưới đây là tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả do Công ty ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong năm và năm trước:

	Lợi nhuận chưa thực hiện VND
Tại ngày 1/1/2011	3.985.054.753
Ghi tăng vào lợi nhuận trong năm	327.271.997
Tại ngày 31/12/2011	4.312.326.750
Ghi giảm vào lợi nhuận trong năm	(4.211.505.594)
Tại ngày 31/12/2012	100.821.156

2011
 CH
 C
 ÁCH
 ĐỀ
 V

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP KHÍ

Đường 2B, Khu công nghiệp Phú Mỹ I
 Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
 CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***15. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Vay ngắn hạn	20.000.000.000	143.772.275.057
Vay dài hạn đến hạn trả	79.889.537.975	97.338.115.994
<i>Trong đó:</i>		
<i>Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam</i>	<i>70.013.537.975</i>	<i>87.562.115.994</i>
<i>Chi nhánh Ngân hàng Đầu Tư và Phát triển Phú Mỹ</i>	<i>9.876.000.000</i>	<i>9.776.000.000</i>
	<u>99.889.537.975</u>	<u>241.110.391.051</u>

Vay ngắn hạn thể hiện khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Vũng Tàu theo hợp đồng số 20/2012/TD-MB-VTA-RD với tổng hạn mức là 80.000.000.000 đồng và sẽ đáo hạn vào ngày 31 tháng 7 năm 2013. Các khoản vay này được đảm bảo bằng khoản doanh thu hình thành từ hợp đồng thi công hạng mục “Bọc ống dẫn khí, bens và cung cấp lắp đặt anodes” thuộc Dự án Thăng Long – Đông Đô và chịu lãi suất cố định là 10%/năm. Lãi vay sẽ được thanh toán đồng thời cùng với các khoản nợ gốc khi đến hạn thanh toán.

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Các bên có liên quan (xem Thuyết minh 34)	4.881.002.882	2.528.012.180
Các bên thứ ba	44.208.902.354	134.376.852.647
	<u>49.089.905.236</u>	<u>136.904.864.827</u>

17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Các bên có liên quan (xem Thuyết minh 34)	99.195.312.057	42.068.000.000
Các bên thứ ba	-	7.801.920.000
	<u>99.195.312.057</u>	<u>49.869.920.000</u>

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.809.717.282	7.315.472.958
Thuế khác	344.958.295	321.798.163
	<u>4.154.675.577</u>	<u>7.637.271.121</u>

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Chi phí trích trước Dự án Dừa	23.396.946.583	-
Dự án khí thấp áp Nhơn Trạch	1.266.540.000	3.397.508.523
Chi phí trích trước Dự án Biển Đông 1	763.629.654	-
Dự án Gas Việt Nhật	689.411.979	-
Dự án khí thấp áp Hiệp Phước	719.059.519	3.171.292.860
Trả lãi vay	1.682.664.157	4.456.840.888
Mua sắm tài sản cố định	2.703.657.212	-
Các khoản chi phí trích trước khác	443.786.216	176.656.470
	<u>31.665.695.320</u>	<u>11.202.298.741</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP KHÍ

Đường 2B, Khu công nghiệp Phú Mỹ I
 Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
 CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***20. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC**

	31/12/2012	31/12/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu chưa thực hiện	2.207.624.188	104.573.209.947
Các khoản phải trả, phải nộp khác	<u>1.372.622.543</u>	<u>967.047.141</u>
	<u>3.580.246.731</u>	<u>105.540.257.088</u>

21. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2012	31/12/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	140.027.073.873	210.149.076.305
Chi nhánh Ngân hàng Đầu Tư và Phát triển Phú Mỹ	<u>22.151.000.000</u>	<u>32.027.138.260</u>
	<u>162.178.073.873</u>	<u>242.176.214.565</u>

Công ty ký hợp đồng vay dài hạn với Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (PVFC) với số tiền vay là 69.164.982.000 đồng và 15.383.000 Đô la Mỹ để thực hiện dự án Đầu tư xây dựng Nhà máy lọc dầu tại Khu công nghiệp Phú Mỹ I, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Khoản vay này sẽ được trả làm nhiều lần với thời hạn tối đa 78 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên và chịu lãi suất bằng lãi suất huy động vốn cá nhân 12 tháng bằng Đồng Việt Nam. Công ty đã thế chấp toàn bộ giá trị đầu tư dự án này và tài sản cố định khác của Công ty làm tài sản bảo đảm cho hợp đồng vay. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, tổng số tiền vay dư nợ là 36.372.329.127 đồng và 8.343.420 Đô la Mỹ (tương đương với 173.668.282.721 đồng).

Công ty ký các hợp đồng vay trung hạn với Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và phát triển Phú Mỹ (BIDV Phú Mỹ) với số tiền vay lần lượt là 24.649.505.000 đồng và 21.700.000.000 đồng. Các khoản vay sẽ được thanh toán ba tháng một lần với thời hạn tối đa 60 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên. Các khoản vay chịu lãi suất lần lượt là 14,5%/năm và 17,5%/năm và được thay đổi ba tháng một lần theo quy định của BIDV Phú Mỹ tại thời điểm thay đổi. Công ty đã thế chấp cầm cố tài sản cố định theo hợp đồng cầm cố tài sản số 02/2011/2930448/HĐ được ký ngày 9 tháng 11 năm 2011 với BVID Phú Mỹ để đảm bảo cho hợp đồng vay này và Công ty đã giải ngân toàn bộ số tiền vay nói trên. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, tổng số tiền dư nợ vay của các khoản vay nêu trên lần lượt là 14.627.000.000 đồng và 17.400.000.000 đồng.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2012	31/12/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trong vòng một năm	79.889.537.975	97.338.115.994
Trong năm thứ hai	79.889.537.975	74.941.653.403
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	<u>82.288.535.898</u>	<u>167.234.561.162</u>
	<u>242.067.611.848</u>	<u>339.514.330.559</u>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	<u>(79.889.537.975)</u>	<u>(97.338.115.994)</u>
Số phải trả sau 12 tháng	<u>162.178.073.873</u>	<u>242.176.214.565</u>

22. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

Dự phòng phải trả dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là khoản trích trước chi phí bảo hành cho các dự án do Công ty thực hiện, hoàn thành và đã quyết toán với chủ đầu tư trong năm 2012 và tương ứng với 3% giá trị của dự án.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP KHÍ

Đường 2B, Khu công nghiệp Phú Mỹ I
 Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
 CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***23. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không được hưởng cổ tức cố định với mệnh giá là 10.000 đồng một cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty.

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
Số lượng cổ phần được phép phát hành	21.599.998	21.599.998
Số lượng cổ phần đã phát hành và góp vốn đủ	21.599.998	21.599.998
Số lượng cổ phần được phép bán ra	21.599.998	21.599.998
Số lượng cổ phần đang lưu hành	<u>21.599.998</u>	<u>21.599.998</u>

Chi tiết về cổ đông sáng lập và số cổ phần nắm giữ tại ngày kết thúc niên độ như sau:

	<u>31/12/2012</u>		<u>31/12/2011</u>	
	<u>Cổ phần</u>	<u>%</u>	<u>Cổ phần</u>	<u>%</u>
Công ty Cổ phần Chứng khoán Thăng Long	1.242.000	5,75	1.242.000	5,75
Tổng Công ty Khí Việt Nam	<u>16.524.000</u>	<u>76,5</u>	<u>16.524.000</u>	<u>76,5</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP KHÍ
Đường 2B, Khu công nghiệp Phú Mỹ I, Huyện Tân Thành
Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2012 đến ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

MẪU B 09 - DN

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu trong năm như sau:

	Vốn điều lệ		Thặng dư vốn cổ phần		Lợi nhuận chưa phân phối		Quỹ dự phòng tài chính		Quỹ đầu tư phát triển		Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Tại ngày 1/1/2011	200.000.000.000	9.850.000.000	18.368.928.029	867.921.163	-	229.086.849.192	-	-	-	-	229.086.849.192
Lợi nhuận trong năm	-	-	26.295.083.410	-	-	26.295.083.410	-	-	-	-	26.295.083.410
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	15.999.980.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	15.999.980.000
Phân phối quỹ trong năm	-	-	(22.537.922.459)	-	-	(19.608.418.427)	-	-	-	-	(19.608.418.427)
Tại ngày 31/12/2011	215.999.980.000	9.850.000.000	22.126.088.980	2.381.830.559	-	251.773.494.175	-	-	-	-	251.773.494.175
Lợi nhuận trong năm	-	-	58.732.497.569	-	-	58.732.497.569	-	-	-	-	58.732.497.569
Chia cổ tức bằng tiền mặt	-	-	(22.895.997.880)	-	-	(22.895.997.880)	-	-	-	-	(22.895.997.880)
Phân phối quỹ trong năm	-	-	(5.620.954.117)	-	-	(3.300.000.000)	-	-	-	-	(3.300.000.000)
Điều chỉnh quỹ trích lập trong năm 2011	-	-	769.908.900	-	-	511.673.693	-	-	-	-	511.673.693
Tại ngày 31/12/2012	215.999.980.000	9.850.000.000	53.111.543.452	4.087.113.915	-	283.798.320.171	749.682.804	-	-	-	283.798.320.171

Theo Nghị quyết số 05/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông của Công ty ngày 30 tháng 5 năm 2012, các cổ đông của Công ty đã phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận của Công ty từ lợi nhuận sau thuế của năm 2011, cụ thể:

- Trích lập quỹ dự phòng tài chính là 699.085.530 đồng (tạm trích trong năm 2011 là 1.314.754.171 đồng)
- Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi là 2.500.000.000 đồng (tạm trích trong năm 2011 là 1.958.418.426 đồng)
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển là 0 đồng (tạm trích trong năm 2011 là 575.821.832)
- Thường Ban điều hành Công ty là 200.000.000 đồng (tạm trích trong năm 2011 là 320.000.000 đồng)
- Chia cổ tức bằng tiền mặt với số tiền là 22.895.997.880 đồng.

Trong năm, Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức bằng tiền mặt và điều chỉnh phần chênh lệch thừa thiếu giữa số được trích và số tạm trích của các quỹ trong năm 2011.

Theo Nghị quyết số 10/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông của Công ty ngày 5 tháng 12 năm 2012 và việc điều chỉnh kế hoạch sản xuất năm 2012, Đại hội đồng cổ đông của Công ty cũng đã phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận của Công ty từ lợi nhuận sau thuế của năm 2012. Theo đó, Công ty đã thực hiện việc tạm trích các quỹ như sau:

- Trích lập quỹ dự phòng tài chính là 2.320.954.117 đồng.
- Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi là 3.000.000.000 đồng.
- Thường Ban điều hành Công ty là 300.000.000 đồng.

Số liệu sau cùng liên quan đến việc phân phối các quỹ nêu trên từ lợi nhuận sau thuế của năm 2012 sẽ được các cổ đông phê duyệt trong Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

24. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là bọc ống cho các Dự án đã ký kết với các khách hàng. Hoạt động sản xuất kinh doanh khác của Công ty chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Công ty trong năm cũng như các niên độ kế toán trước, theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các niên độ kế toán trước đều liên quan đến hoạt động kinh doanh chính. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Doanh thu của Công ty có được là do dịch vụ bọc ống cho các khách hàng trong nước và không phát sinh doanh thu xuất khẩu trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 và các niên độ kế toán trước. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

25. DOANH THU THUẦN

	2012 <u>VND</u>	2011 <u>VND</u>
Hoạt động xây lắp	87.455.232.304	260.578.906.456
Hoạt động bọc ống	799.172.359.948	487.300.523.611
Hoạt động khác	983.402.208	1.388.861.193
	<u>887.610.994.460</u>	<u>749.268.291.260</u>

26. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2012 <u>VND</u>	2011 <u>VND</u>
Hoạt động xây lắp	87.057.354.295	236.247.357.142
Hoạt động bọc ống	661.911.436.386	393.154.428.119
Hoạt động khác	833.262.404	781.610.630
	<u>749.802.053.085</u>	<u>630.183.395.891</u>

27. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2012 <u>VND</u>	2011 <u>VND</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	355.017.779.397	300.836.411.021
Chi phí nhân công	61.477.065.245	61.744.634.428
Chi phí khấu hao tài sản cố định	97.095.864.168	41.865.994.741
Chi phí dịch vụ mua ngoài	192.601.421.016	212.345.009.955
Chi phí khác	35.091.510.120	35.036.050.661
	<u>741.283.639.946</u>	<u>651.828.100.806</u>

28. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2012 <u>VND</u>	2011 <u>VND</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng	2.593.669.471	6.043.151.114
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	171.185.573	1.716.918.045
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	182.261.916	-
	<u>2.947.116.960</u>	<u>7.760.069.159</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

29. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2012 <u>VND</u>	2011 <u>VND</u>
Chi phí lãi vay	47.120.828.235	38.091.966.722
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	22.214.085.163
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.525.087.404	9.127.239.651
	<u>49.645.915.639</u>	<u>69.433.291.536</u>

30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2012 <u>VND</u>	2011 <u>VND</u>
Lợi nhuận trước thuế	72.721.915.933	35.062.956.472
Cộng: Chi phí không được khấu trừ	-	8.535.775
Chênh lệch doanh thu chưa thực hiện	<u>(16.848.128.672)</u>	<u>1.309.087.989</u>
Lợi nhuận tính thuế	<u>55.873.787.261</u>	<u>36.380.580.236</u>
Thuế suất áp dụng	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	<u>13.968.446.815</u>	<u>9.095.145.059</u>
Giảm 30% thuế	<u>(4.190.534.045)</u>	<u>-</u>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>9.777.912.770</u>	<u>9.095.145.059</u>

Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% tính trên thu nhập chịu thuế.

Công ty được giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm 2012 theo hướng dẫn của Thông tư 140/2012/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 21 tháng 8 năm 2012 về việc giảm thuế cho doanh nghiệp vừa và nhỏ.

31. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	2012 <u>VND</u>	2011 <u>VND</u>
Lợi nhuận sau thuế	58.732.497.569	26.295.083.410
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>58.732.497.569</u>	<u>26.295.083.410</u>
Số bình quân gia quyền của cổ phần phổ thông	21.599.998	20.539.177
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>2.719</u>	<u>1.280</u>

32. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	2012 <u>VND</u>	2011 <u>VND</u>
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	<u>2.892.003.637</u>	<u>1.378.459.091</u>

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2012 <u>VND</u>	31/12/2011 <u>VND</u>
Trong vòng một năm	3.958.054.545	2.020.564.000
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	8.467.690.000	8.082.256.000
Sau năm năm	<u>83.574.400.000</u>	<u>84.863.688.000</u>
	<u>96.000.144.545</u>	<u>94.966.508.000</u>

Khoản thuê hoạt động thể hiện số tiền thuê đất tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Hợp đồng thuê được ký trong 48 năm, kể từ ngày 14 tháng 9 năm 2009 đến ngày 1 tháng 1 năm 2058, với tổng diện tích đất thuê là 70.000 m² với đơn giá 1,4 USD/1m².

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP KHÍĐường 2B, Khu công nghiệp Phú Mỹ I, Huyện Tân Thành
Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Trong năm 2012, Công ty ký hợp đồng với Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ I để thuê 30.000 m² sân bãi tại Khu công nghiệp Phú Mỹ I, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nhằm phục vụ cho công tác bốc ồng. Thỏa thuận này có hiệu lực từ ngày 11 tháng 1 năm 2012 đến ngày 10 tháng 1 năm 2015 với đơn giá thuê hàng tháng là 93.870.000 đồng.

33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH***Quản lý rủi ro vốn***

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 12 và 16 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2012	31/12/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Các khoản vay	262.067.611.848	483.286.605.616
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	51.438.307.624	36.104.294.734
Nợ thuần	210.629.304.224	447.182.310.882
Vốn chủ sở hữu	<u>284.382.331.333</u>	<u>251.773.494.175</u>
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<u>0.74</u>	<u>1.78</u>

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2012	31/12/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	51.438.307.624	36.104.294.734
Phải thu khách hàng và phải thu khác	141.215.307.601	180.043.955.557
Ký quỹ ngắn hạn	<u>1.492.946.087</u>	<u>105.720.000</u>
	<u>194.146.561.312</u>	<u>216.253.970.291</u>
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	262.067.611.848	483.286.605.616
Phải trả khách hàng và phải trả khác	52.670.151.967	242.445.121.915
Chi phí phải trả	31.665.695.320	11.202.298.741
Dự phòng phải trả dài hạn	<u>32.667.463.284</u>	<u>-</u>
	<u>379.070.922.419</u>	<u>736.934.026.272</u>

Công ty chưa đánh giá chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau.

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Đô la Mỹ (USD)	211.970.387.289	247.634.915.842	2.485.926.906	406.719.187
Đồng Euro (EUR)	-	-	13.339.081	35.620.576

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

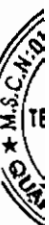
Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đồng Đô la Mỹ và Đồng Euro.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Công ty trong trường hợp tỷ giá Đồng Việt Nam tăng/giảm 5% so với các đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 5% được Ban Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 5% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá các đồng ngoại tệ dưới đây so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 5% thì lợi nhuận trong năm của Công ty sẽ giảm/tăng các khoản tương ứng như sau:

	2012	2011
	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	10.495.872.124	17.490.795.701
Euro (EUR)	(650.248)	(1.892.749)
	10.495.221.876	17.488.902.952

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung khá lớn từ các khoản phải thu của các bên liên quan. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị ghi sổ của số dư phải thu các bên liên quan như trình bày tại Thuyết minh số 31.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

Tại ngày 31/12/2012	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	51.438.307.624	-	51.438.307.624
Phải thu khách hàng và phải thu khác	141.215.307.601	-	141.215.307.601
Ký quỹ ngắn hạn	1.492.946.087	-	1.492.946.087
Tổng cộng	194.146.561.312	-	194.146.561.312
Tại ngày 31/12/2012			
Các khoản vay ngắn hạn	99.889.537.975	-	99.889.537.975
Phải trả khách hàng	49.089.905.236	-	49.089.905.236
Chi phí phải trả	31.665.695.320	-	31.665.695.320
Phải trả khác	3.580.246.731	-	3.580.246.731
Các khoản vay dài hạn	-	162.178.073.873	162.178.073.873
Dự phòng phải trả dài hạn	-	32.667.463.284	32.667.463.284
Tổng cộng	184.225.385.262	194.845.537.157	379.070.922.419
Chênh lệch thanh khoản thuần	9.921.176.050	(194.845.537.157)	(184.924.361.107)



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẮP KHÍ

Đường 2B, Khu công nghiệp Phú Mỹ I, Huyện Tân Thành

Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Tại ngày 31/12/2011	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	51.438.307.624	-	51.438.307.624
Phải thu khách hàng và phải thu khác	180.043.955.557	-	180.043.955.557
Ký quỹ ngắn hạn	105.720.000	-	105.720.000
	<u>216.253.970.291</u>	<u>-</u>	<u>216.253.970.291</u>
Tại ngày 31/12/2011			
Các khoản vay ngắn hạn	241.110.391.051	-	241.110.391.051
Phải trả khách hàng	136.904.864.827	-	136.904.864.827
Chi phí phải trả	11.202.298.741	-	11.202.298.741
Phải trả khác	105.540.257.088	-	105.540.257.088
Các khoản vay dài hạn	-	242.176.214.565	242.176.214.565
Tổng cộng	<u>494.757.811.707</u>	<u>242.176.214.565</u>	<u>736.934.026.272</u>
Chênh lệch thanh khoản thuần	<u>(278.503.841.416)</u>	<u>(242.176.214.565)</u>	<u>(520.680.055.981)</u>

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

34. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	2012 VND	2011 VND
Bán hàng		
Công ty TNHH Dịch vụ cơ khí hàng hải	535.157.314.208	392.024.049.074
Liên doanh Việt Nga Vietsovpetro	77.010.310.000	
Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam	37.750.775.268	255.125.975.913
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam- Công ty tư vấn quản lý Dự án Khí	-	6.459.902.508
Tổng công ty Khí Việt Nam	3.762.754.023	
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Khí Cà Mau	793.487.201	5.452.930.543
Công ty TNHH MTV TM và DV Dầu khí Biển	-	4.538.527.518
Mua hàng		
Tập đoàn Dầu khí quốc gia Việt Nam	<u>8.340.972.968</u>	<u>1.422.569.035</u>
Vay		
Tổng Công ty tài chính Cổ phần dầu khí Việt Nam		
Trong đó:		
<i>Tiền vay đã nhận được trong kỳ</i>	<i>164.854.671.365</i>	<i>143.772.275.057</i>
<i>Tiền vay đã thanh toán trong kỳ</i>	<i>308.626.946.422</i>	<i>52.496.247.782</i>

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	2012 VND	2011 VND
Lương	<u>1.374.460.032</u>	<u>1.966.042.815</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2012	31/12/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải thu		
Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam	35555.636.111	18.700.869.264
Công ty TNHH Dịch vụ cơ khí hàng hải		180.434.673
Tổng Công ty Khí Việt Nam	126.390.387	-
Công ty TNHH MTV TM và DV Dầu khí Biển	-	46.274.800.000
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam- Công ty tư vấn quản lý Dự án Khí	-	8.052.873.968
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Khí Cà Mau	-	4.104.248.993
Tổng cộng	<u>35.806.891.238</u>	<u>77.313.226.898</u>
Phải thu khác	31/12/2012	31/12/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
CTY TNHH Dịch vụ cơ khí hàng hải PTSC	76.177.999.518	62.119.895.727
Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam	29.230.416.845	35.555.636.111
Tổng cộng	<u>105.408.416.363</u>	<u>97.675.531.838</u>
Phải trả		
CN Tổng Cty Khí VN- Cty tư vấn quản lý Dự án Khí- DA Khí thấp	3.387.360.142	-
CN TCT Khí Việt Nam - CTCP - CTY Dịch Vụ Khí	1.493.642.740	672.383.825
CTY TNHH Dịch vụ cơ khí hàng hải PTSC	-	1.855.628.355
Tổng cộng	<u>4.881.002.882</u>	<u>2.528.012.180</u>
Các khoản ứng trước		
Công ty TNHH một TV TM và DV Dầu khí Biển	34.098.521.940	-
Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam	25.342.652.647	-
CTY TNHH Dịch vụ cơ khí hàng hải PTSC	39.754.137.470	42.068.000.000
Tổng cộng	<u>99.195.312.057</u>	<u>42.068.000.000</u>
Các khoản vay		
Tổng Công ty tài chính Cổ phần dầu khí Việt Nam	210.040.611.848	297.711.192.299

Cao Nhất Trung
 Người lập biểu
 Ngày 15 tháng 3 năm 2013

Nguyễn Công Chương
 Kế toán trưởng



Trần Đức Minh
 Giám Đốc